

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST.

Ngày: 12/8/2022.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1968

Địa chỉ: ấp PH, xã S, huyện GT, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Minh N, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: ấp A, xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc M, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp M, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Tất cả có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Minh N trình bày:

Do quen biết, nên vào 11/10/2019 bà Phạm Thị T có cho ông Trần Quốc M vay số tiền 50.000.000đồng, vay không kỳ hạn, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay để làm ăn. Ông M có viết giấy tay thể hiện có vay của bà T số tiền 50.000.000đồng.

Trong quá trình vay, ông M đã đóng được 03 tháng tiền lãi cho bà T vào tháng 11/2019, tháng 12/2019 và tháng 01/2020 tổng cộng là 7.500.000đồng, sau đó ông M ngưng không đóng nữa. Việc trả lãi không lập biên bản, giấy tờ gì. Ông M chưa trả được tiền vốn gốc cho bà T.

Nay bà T yêu cầu ông M trả 50.000.000đồng tiền nợ gốc. Yêu cầu tính lãi số tiền trên từ ngày 11/01/2020 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 1.66%/tháng số tiền: 75.730.000 đồng. Bà T chỉ yêu cầu một mình ông M chịu trách nhiệm trả số tiền trên và không đồng ý khấu trừ phần tiền lãi 03 tháng ông M đã đóng vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật.

Bà T xin rút yêu cầu đối với yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền 4.787.066 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên bị đơn ông Trần Quốc M trình bày:

Ông có vay của bà Phạm Thị T số tiền 50.000.000đồng vào ngày 11/10/2019. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, vay không kỳ hạn, mục đích vay để làm ăn. Ông có viết biên nhận ngày 11/10/2019 cho bà T. Ông đóng lãi cho bà T được 10 tháng số tiền 2.500.000đồng/tháng rồi ngưng không đóng nữa, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh việc đã đóng lãi 10 tháng do khi đóng lãi không có làm biên nhận. Ông chưa trả được nợ gốc cho bà T. Ông đồng ý trả 50.000.000đồng tiền vốn cho bà T, đồng ý trả lãi số tiền trên theo lãi suất 1.66%/tháng kể từ ngày 11/01/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Ông yêu cầu khấu trừ số tiền lãi ông đã đóng vượt quá quy định theo sự thừa nhận của nguyên đơn là 03 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Phạm Thị T khởi kiện ông Trần Quốc M yêu cầu trả số tiền 50.000.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên. Xét quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Thị T với ông Trần Quốc M là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, bị đơn ông Trần Quốc M hiện đang cư trú tại xã PN, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với việc bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi chậm trả số tiền 4.787.066 đồng: xét thấy việc bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông Trần Quốc M trả số tiền lãi chậm trả là 4.787.066 đồng

[2] Về nội dung: nguyên đơn bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Quốc M yêu cầu trả số tiền 50.000.000đồng và yêu cầu tính lãi số tiền trên kể từ ngày 11/01/2020 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 1.66%/tháng số tiền: 25.730.000đồng, tổng cộng: 75.730.000đồng. Bà T không đồng ý khấu trừ tiền lãi vượt quá quy định pháp luật theo yêu cầu của ông M. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 11/10/2019.

Xét thấy, ông Trần Quốc M thừa nhận có vay của bà T số tiền 50.000.000đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận nên bà T khởi kiện yêu cầu ông M trả số tiền 50.000.000đồng là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi số tiền 50.000.000đồng từ ngày 11/01/2020 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 1.66%/tháng số tiền: 25.730.000đồng: ông M cho rằng đã đóng lãi cho bà T hơn 10 tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, tại phiên tòa ông M đồng ý số tháng đã đóng lãi cho bà T là 03 tháng theo sự trình bày của bà T nên việc bà T yêu cầu tính lãi số tiền 50.000.000đồng từ ngày 11/01/2020 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất 1.66%/tháng số tiền 25.730.000đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, bà T cho ông M vay tiền theo lãi suất 5%/tháng và đã nhận số tiền lãi của 03 tháng là 7.500.000đồng. Lãi suất cho vay các bên thỏa thuận vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm, phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực nên việc ông M yêu cầu khấu trừ số tiền lãi vượt quá là có cơ sở chấp nhận. Tiền lãi 03 tháng được tính lại là 1.66%/tháng x 50.000.000đồng x 03 tháng = 2.490.000đồng, số tiền lãi vượt quá = 7.500.000đ - 2.490.000đ = 5.010.000đồng. Số tiền lãi vượt quá được khấu trừ vào số tiền lãi ông M phải trả cho bà T, như vậy số tiền lãi ông M phải trả cho bà T là = 25.730.000đ - 5.010.000đ = 20.720.000đồng

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông M phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vốn và lãi tổng cộng là 70.720.000đồng

Ghi nhận việc bà T chỉ yêu cầu một mình ông M trả số tiền trên.

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Ông M phải chịu án phí đối với phần yêu cầu được chấp nhận của nguyên đơn là 3.536.000 đồng

- Bà T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T: Buộc ông Trần Quốc M có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền 70.720.000 (Bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng gồm tiền vốn gốc là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 20.720.000 (Hai mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

Ghi nhận việc bà T chỉ yêu cầu một mình ông M chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông Trần Quốc M trả lãi chậm trả số tiền 4.787.066 đồng

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Trần Quốc M phải chịu là 3.536.000 (Ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Bà Phạm Thị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.927.000 theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005388 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.627.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương